TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2025/DS-PT
Ngày 23-9-2025.
V/v *"Tranh chấp QSD đất; hủy GCNQSD đất; hợp đồng tặng cho QSD đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Cẩm Linh – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi D - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 358/2025/TLPT-DS ngày 14/3/2025 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2024/DS-ST ngày 17-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2025/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2025/QĐ-PT ngày 14/8/2025 và Thông báo hoãn số 98/2025/TB-TA ngày 08/09/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1945; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Đ1, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long) theo Hợp đồng ủy quyền ngày 09/5/2022; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956; bà Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1988; địa chỉ: 4 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là

phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2023; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Trần Hồng B1, Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: C ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện C (chấm dứt hoạt động)

Kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Tây Ninh; ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1976; vắng mặt.

3. Chị Trần Thị Phương T1, sinh năm 1997; vắng mặt.

4. Anh Đinh Chí T2, sinh năm 1995; vắng mặt.

5. Trẻ Đinh Trần Chí T3, sinh ngày 29/12/2022 (do anh Đinh Chí T2 và chị Trần Thị Phương T1 làm đại diện hợp pháp); vắng mặt.

6. Anh Trần Minh T4, sinh năm 1999; vắng mặt.

7. Chị Đặng Thị Kim L, sinh năm 1999; vắng mặt.

8. Trẻ Trần Minh T5, sinh ngày 17/4/2023 (do anh Trần Minh T4 và chị Đặng Thị Kim L làm đại diện hợp pháp).

9. Anh Trần Nguyễn Minh T6, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

- Người kháng cáo: Ông Võ Văn Đ, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Văn Đ do bà Võ Thị Đ1 đại diện trình bày:

Nguyên phần đất có diện tích khoảng 2.700m^2 đất lúa, một cái gò và một phần trồng dừa nước mà hiện nay là các thửa đất 1201, 1202, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An là của gia đình ông Đ quản lý sử dụng từ trước năm 1975. Năm 1990, gia đình ông Đ gặp khó khăn, vợ ông Đ bị bệnh nặng cần tiền nhập viện và thanh toán viện phí nên ông Đ có mượn của vợ chồng bà H, ông B một chỉ vàng 24Kr để trị bệnh. Khi vợ ông Đ điều trị hết bệnh và xuất viện về nhà thì ông B buộc ông Đ phải trả vàng đã mượn, nếu không có vàng thì lấy đất trả nợ, vì không có vàng nên ông Đ phải đồng ý. Ông B, bà H lên nhờ ông Lê Văn M đo để lấy đất của ông Đ hai công nhỏ tổng diện tích là 1.250m^2 thuộc một phần của các thửa 1201, 1202; phần đất còn lại ông Đ vẫn sử dụng. Năm 2000, bà H, ông B đã lấn chiếm dần phần đất trên sử dụng, đắp cái nền cao để xây nhà; đến năm 2020 thì tặng cho con gái là Nguyễn Thị Mỹ N và xây hàng rào trên đất tranh chấp mặc dù ông Đ có ngăn cản. Ông Đ khiếu nại ra Ủy ban nhân dân xã thì được biết bà H đã được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất thửa 1201, 1202 bao gồm cả phần đất lấn của ông Đ.

Qua đo đạc thực tế, ông Đ xác định phần đất tranh chấp gồm: khu A3, diện tích 196m^2 là một phần thửa 1201 do bà Nguyễn Thị Mỹ N đứng tên GCNQSD đất; khu B1, diện tích 138m^2 là một phần thửa 4333 do bà Trần Thị Phương T1 đứng tên GCNQSD đất; khu C1, diện tích 289m^2 là một phần thửa 1202 do bà Võ Thị H đứng tên GCNQSD đất.

Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc bà H, ông B, bà N, chị T1 tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, gồm: một phần nhà 1, một phần mái che 2, nhà 3, hàng rào, trụ cổng, cửa cổng, mái cổng, sân xi măng, để trả lại cho ông Đ phần đất lấn chiếm, gồm: khu A, khu B1 và khu C1, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Công nhận cho ông Đ quyền sử dụng các phần đất trên; hủy GCNQSD đất số vào sổ 01473 QSDĐ/0512-LA do UBND huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 22/12/1997 cho bà Võ Thị H đối với một phần thửa đất số 1201, 1202, diện tích 623m^2, tờ bản đồ số 5, xã Đ; vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H với bà N và giữa bà N với bà T1 đối với một phần thửa 1201 diện tích 500m^2, thửa mới là 4333, hủy GCNQSD đất thửa 4333 đối với diện tích 500m^2.

Bị đơn bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Mỹ N do ông Nguyễn Thanh H1 đại diện trình bày:

Thửa đất số 1201, diện tích 1.811m^2 trước đây bà H đứng tên GCNQSD đất, trong đó bao gồm phần đất của mẹ bà H mua lại của mẹ ông Đ là bà H2 khoảng 500m^2; phần diện tích còn lại, bà H mua của ông Đ năm 1990 với giá một chỉ hai vàng 24K; sau đó, ông Đ và bà H đến nhà ông Trương Văn N1 là Ủy viên Ủy ban xã để kê khai tách sổ bộ và bà H được cấp GCNQSD đất ngày 22/12/1997. Năm 2020, bà H đã tặng cho con gái là Nguyễn Thị Mỹ N thửa đất 1201, bà N đã được cấp GCNQSD đất, đến năm 2021 thì tặng cho chị Trần Thị Phương T1 một phần đất thửa 1201, diện tích 500m^2, chị T1 cũng được cấp GCNQSD đất thành thửa 4333. Bà H, bà N, chị T1 sử dụng đất trồng hàng cây khuynh diệp làm ranh giới, sử dụng đến nay. Ông B, bà H, bà N, chị T1 không lấn chiếm đất của ông Đ. Đối với căn nhà số C trên khu A hiện đang thờ cúng bà Nguyễn Thị T7 (mẹ bà H) do bà H xây dựng và quản lý thờ cúng.

Đối với thửa đất số 1202 do bà H mua của ông Năm O vào năm 1978, đến năm 1986, gia đình bà H xây nhà kiên cố ở đến nay. Nguồn gốc thửa 1202, ông Năm O mua của mẹ ông Đ, thời gian nào không rõ. Do đó, Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Phương T1 trình bày:

Chị là con ruột của bà N và ông T. Hiện nay Chị cùng chồng là anh Chí T2 và con là Chí T3 đang sinh sống chung với bà N, ông B, bà H tại căn nhà trên đất tranh chấp. Chị T2 đang đứng tên GCNQSD đất thửa đất số 4333, có nguồn gốc của bà H đứng tên GCNQSD đất năm 1997 là một phần thửa 1201, đến năm 2020 bà H tặng cho mẹ chị T2 là bà N, rồi bà N tặng cho Chị một phần của thửa đất số 1201, diện tích 500m², thành thửa mới số 4333 và chị T2 đã được cấp GCNQSD đất vào ngày 08/10/2021. Do đó, C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Nguyên

đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C trình bày ý kiến tại Văn bản số 6476/UBND-NC ngày 05/12/2023 như sau:

Nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất các thửa đất số 1201, 4333 (mpt 1201), 1202 và 1294, tờ bản đồ số 05, xã Đ: Theo nội dung xác minh thực tế và cung cấp thông tin của UBND xã Đ tại Công văn số 943/UBND-ĐC ngày 15/11/2023 và Công văn số 1002/UBND-ĐC ngày 29/11/2023.

Về hồ sơ cấp GCNQSD đất thì theo Công văn số 4006/CCTT.CN.VPDKDD ngày 16/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thể hiện:

- Thửa đất số 1294, tờ bản đồ số 05 hiện chưa cấp GCNQSD đất.

- Thửa đất số 4333 (tách ra từ thửa 1201), tờ bản đồ số 05: đính kèm hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Mỹ N cho bà Trần Thị Phương T1.

- Hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 1997 cho bà Võ Thị H đối với thửa đất 1201, 1202 cùng tờ bản đồ số 05 tại xã Đ hiện Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai không có lưu hồ sơ.

Căn cứ vào quá trình sử dụng thực tế và quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long Long An giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T, anh Đinh Chí T2, anh Trần Minh T4, chị Đặng Thị Kim L, anh Trần Nguyễn Minh T8 không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2024/DS-ST ngày 17-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ về việc yêu cầu bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Mỹ N, chị Trần Thị Phương T1 tháo dỡ, di dời tài sản trên đất gồm một phần nhà 1, một phần mái che 2, nhà 3, hàng rào, trụ cổng, cửa cổng, mái cổng, sân xi măng để trả lại cho ông Võ Văn Đ phần đất lấn chiếm gồm: khu A3 diện tích 196m^2 thuộc một phần thửa 1201; khu B1 diện tích 138m^2 thuộc một phần thửa 4333; khu C1 diện tích 289m^2 thuộc một phần thửa 1202, cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An và công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn Đ đối với khu A3, khu B1, khu C1 nêu trên; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01473 QSDĐ/0512-LA do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 22/12/1997 cho bà Võ Thị H đối với một phần thửa đất số 1201, 1202, diện tích 623m^2, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An; yêu cầu vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 33899 quyển số 34TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/10/2020 tại Văn phòng C1 giữa bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn B với bà Nguyễn Thị Mỹ N và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 10068 quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/03/2021 tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N với bà Trần Thị Phương T1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 30/9/2024, nguyên đơn ông Võ Văn Đ kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn là có căn cứ pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn Đ làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn, thấy rằng, các bên trình bày thống nhất về nguồn gốc các phần đất tranh chấp (gồm khu A3, diện tích 196m^2 thuộc một phần thửa 1201, khu B1, diện tích 138m^2 thuộc một phần thửa 4333, khu C1, diện tích 289m^2 thuộc một phần thửa 1202, cùng tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) là của cha mẹ ông Đ. Nguyên đơn cho rằng, năm 1990, ông Đ bán cho ông B, bà H một phần diện tích (hai công nhỏ) là 1.250m^2 thuộc một phần các thửa đất trên, phần còn lại ông Đ vẫn sử dụng, nhưng bị bà H và ông B lấn chiếm dần từ năm 2000. Còn theo Bị đơn, thì thửa 1201 mua một phần từ bà H2 là mẹ ông Đ, phần còn lại mua từ ông Đ năm 1990; thửa 1202 mua từ ông O; bà H quản lý sử dụng đã nhiều năm, đăng ký sổ mục kê và được cấp GCNQSD đất năm 1997.

[3] Xét thấy, các bên không cung cấp được chứng cứ chứng minh diện tích đất chuyển nhượng, nhưng thửa 1202, bà H trình bày mua của ông O là phù hợp với Công văn 943/UBND-ĐC ngày 15/11/2023 của UBND xã Đ và bà T7 (vợ của ông O) mặc dù không xác định được diện tích. Ông Đ cũng không chứng minh bán 02 công nhỏ tại vị trí nào của thửa 1201 mà chỉ nói diện tích là 1.250m^2, và cũng không xác định được mẹ Ông (bà H2) bán cho ông O diện tích bao nhiêu trong thửa 1202, trong khi tại Biên bản hòa giải của UBND xã Đ ngày 10/3/2022, bà Đ1 (đại diện cho ông Đ) lại trình bày ông Đ bán cho bà H, ông B hai công đất nhỏ, diện tích 1.300m^2 là có mâu thuẫn về diện tích.

[4] Theo sổ mục kê thể hiện, bà H là người đăng ký thửa 1201, 1202 và được UBND huyện C cấp GCNQSD đất lần đầu vào năm 1997. Lời khai của những người làm chứng phù hợp với lời trình bày của bà H, ông B về việc bà H có mua một phần đất từ mẹ ông Đ và mua một phần đất từ ông Đ, nhưng không xác định được diện tích cụ thể.

[5] Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất thửa 1201, 1202: Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất năm 1997 cho bà H đối với thửa đất 1201, 1202 hiện được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh L (nay là tỉnh Tây Ninh), gồm: Biên bản xét cấp GCNQSD đất ngày 18/10/1997 của UBND xã Đ, Tờ trình số 99.TT. ĐC.97 ngày 12/12/1997 của Phòng Địa chính huyện C, Quyết định cấp GCNQSD đất số 505.QĐ.UB.97 ngày 22/12/1997 của UBND huyện C cho 259 hộ nông dân và cá nhân (có trường hợp bà H được cấp 4 thửa đất tổng diện tích 5.326m^2). Ngoài ra, theo Biên bản xem thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 17/3/2023 và ngày 29/7/2024 thể hiện, trên phần đất tranh chấp có tài sản là một nhà chính, nhà phụ, trụ cổng, cửa cổng chính, hàng rào bao quanh nhà chính, sân xi măng; nhà chính xây dựng từ năm 2018. Như vậy, tại thời điểm năm 1997, bà H là người đang sử dụng các thửa đất 1201, 1202 nên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét cấp GCNQSD đất là đúng quy định tại các Điều 2, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993. Do đó, bà H tặng cho bà N thửa 1201; bà N được cấp GCNQSD đất và đã làm thủ tục tách một phần thửa 1201 thành thửa mới là 4333 và tặng cho chị T1 thửa 4333; chị T1 được cấp GCNQSD đất là đúng quy định của pháp luật về đất đai. Ông Đ khởi kiện yêu cầu công nhận cho Ông quyền sử dụng đất tại vị trí A3, B1, C1 thuộc một phần các thửa 1201, 1202; hủy một phần GCNQSD đất thuộc thửa 1201 và 1202; vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H, ông B với bà N, giữa bà N với chị T1 là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Công tố tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn Đ là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2024/DS-ST ngày 17-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh).

Áp dụng Điều 2, Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ đối với bị đơn bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Phương T1 về việc buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, công nhận cho ông Võ Văn Đ được quyền sử dụng đất, gồm: khu A3 diện tích 196m^2 thuộc một phần thửa 1201, khu B1 diện tích 138m^2 thuộc một phần thửa 4333, khu C1 diện tích 289m^2 thuộc một phần thửa 1202, cùng tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01473 QSDĐ/0512-LA do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 22/12/1997 cho bà Võ Thị H đối với một phần thửa đất số 1201, 1202; vô hiệu Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/10/2020 giữa bà Võ Thị H, ông Nguyễn Văn B với bà Nguyễn Thị Mỹ N và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Mỹ N với bà Trần Thị Phương T1.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn Đ được miễn án phí phúc thẩm. H3 lại cho ông Võ Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000104 ngày 30/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT&KSXXPT tại Tp. HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, TTCL.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Tuấn

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú **Nguyễn Thị Ngọc Hoa** **Trần Ngọc Tuấn**